

KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG NĂM 2011
NGÀY THI: 31/12/2011

Các lưu ý đối với thí sinh trúng tuyển

1. Thí sinh nhận Giấy báo nhập học tại Phòng Kế hoạch - Tài vụ
2. Thời gian làm thủ tục nhập học (đóng học phí, bổ sung hồ sơ): Từ ngày 10/01-29/01/2012
3. Thời gian khai giảng: 17h00 ngày 30/01/2012 tại Phòng số 01

STT	Ngành	IDHS	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Đổi tượng	Khu vực	Điểm UT	Tổng điểm	Điểm làm tròn	Kết quả
							Toán	Tiếng Anh	Cơ sở ngành						
1	Công nghệ KT điện	10232	Lê Trung	Bình	29/11/89	Quảng Nam	5.50	2.50	1.00				9.00	9.00	Trúng tuyển
2	Công nghệ KT điện	10238	Khương Văn	Cường	26/09/87	Gia Lai	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
3	Công nghệ KT điện	10261	Phạm Quý Anh	Đào	15/08/88	Quảng Nam	5.50	2.50	1.00				9.00	9.00	Trúng tuyển
4	Công nghệ KT điện	10243	Tạ Văn	Hưng	20/10/85	Bình Định	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
5	Công nghệ KT điện	10256	Nguyễn Tường	Phi	23/09/76	Đà Nẵng	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
6	Công nghệ KT điện	10254	Nguyễn Văn	Thành	10/02/87	Quảng Nam	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
7	Công nghệ KT điện	10248	Trần Duy	Tuấn	05/03/84	Đà Nẵng	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
8	Công nghệ KT điện	10233	Lê Trung	Tùng	08/10/89	Quảng Nam	6.00	2.50	1.00				9.50	9.50	Trúng tuyển
9	Công nghệ KT XD	10271	Đặng Ngọc	Bảng	18/08/90	Quảng Trị	5.50	4.50	5.00				15.00	15.00	Trúng tuyển
10	Công nghệ KT XD	10274	Lê Thanh	Bình	30/12/91	TT-Huế	6.50	3.00	5.00				14.50	14.50	Trúng tuyển
11	Công nghệ KT XD	10265	Dương Ngọc	Chung	05/08/91	Thanh Hóa	6.00	4.00	4.00				14.00	14.00	Trúng tuyển

STT	Ngành	IDHS	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Đổi tượng	Khu vực	Điểm UT	Tổng điểm	Điểm làm tròn	Kết quả
							Toán	Tiếng Anh	Cơ sở ngành						
12	Công nghệ KT XD	10246	Lê Văn	Đạt	01/05/87	TT-Huế	6.00	3.00	5.00				14.00	14.00	Trúng tuyển
13	Công nghệ KT XD	10266	Lâm Tiến	Dũng	15/12/85	Thanh Hóa	6.00	3.50	4.00				13.50	13.50	Trúng tuyển
14	Công nghệ KT XD	10257	Từ Thanh	Hải	28/10/84	Quảng Bình	6.00	5.00	5.00				16.00	16.00	Trúng tuyển
15	Công nghệ KT XD	10253	Nguyễn Dương	Hoàng	15/08/92	Đà Nẵng	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
16	Công nghệ KT XD	10268	Nguyễn Đình	Huy	07/04/90	Hưng Yên	5.50	5.50	5.00				16.00	16.00	Trúng tuyển
17	Công nghệ KT XD	10272	Hồ Mạnh	Long	05/10/88	Đắk Lắk	5.00	4.00	4.00				13.00	13.00	Trúng tuyển
18	Công nghệ KT XD	10263	Lê Cao	Nguyễn	04/02/90	Hà Tĩnh	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
19	Công nghệ KT XD	10259	Phạm Thành	Nhân	12/02/88	Quảng Ngãi	5.50	5.00	5.00				15.50	15.50	Trúng tuyển
20	Công nghệ KT XD	10159	Hồ Văn	Nhơn	30/12/89	TT-Huế	5.00	5.00	5.00				15.00	15.00	Trúng tuyển
21	Công nghệ KT XD	10262	Nguyễn Văn	Niên	01/09/88	Quảng Trị	5.00	4.00	5.00				14.00	14.00	Trúng tuyển
22	Công nghệ KT XD	10247	Nguyễn	Quang	29/05/91	Đà Nẵng	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
23	Công nghệ KT XD	10237	Trần Công	Quảng	16/08/87	Quảng Bình	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
24	Công nghệ KT XD	10258	Nguyễn Chiếm	Quý	15/01/88	Quảng Nam	5.50	4.00	5.00				14.50	14.50	Trúng tuyển
25	Công nghệ KT XD	10270	Dương Thế	Tấn	02/07/87	Đắk Lắk	5.50	4.50	4.00				14.00	14.00	Trúng tuyển
26	Công nghệ KT XD	10264	Ngô Xuân	Thiện	04/04/91	Quảng Nam	5.50	3.50	4.00				13.00	13.00	Trúng tuyển
27	Công nghệ KT XD	10273	Nguyễn Văn	Thủy	23/02/89	Bắc Giang	5.50	4.50	5.00				15.00	15.00	Trúng tuyển
28	Công nghệ KT XD	10006	Hồ Văn	Tịch	10/10/88	TT-Huế	4.50	5.50	3.00				13.00	13.00	Trúng tuyển
29	Công nghệ KT XD	10267	Nguyễn Đình	Trái	06/01/90	Quảng Nam	6.00	5.00	5.00				16.00	16.00	Trúng tuyển
30	Công nghệ KT XD	10051	Nguyễn Văn	Tuấn	15/02/90	Hà Tĩnh	6.00	4.50	5.00				15.50	15.50	Trúng tuyển
31	Công nghệ KT XD	10239	Lê Xuân	Tùng	30/03/90	Quảng Ngãi	5.50	4.50	4.00				14.00	14.00	Trúng tuyển
32	Công nghệ KT XD	10260	Nguyễn Minh	Tùng	28/04/91	Quảng Ngãi	5.00	5.00	4.00				14.00	14.00	Trúng tuyển

STT	Ngành	IDHS	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Đổi tượng	Khu vực	Điểm UT	Tổng điểm	Điểm làm tròn	Kết quả
							Toán	Tiếng Anh	Cơ sở ngành						
33	Công nghệ KT XD	10236	Nguyễn Ngô Thanh	Việt	10/09/88	Bình Định	5.00	4.00	3.00				12.00	12.00	Trúng tuyển
34	Công nghệ KT XD	10249	Hoàng Anh	Vương	06/11/89	Quảng Trị	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
35	Kế toán	10250	Nguyễn Phước	Ca	06/06/91	Quảng Nam	6.00	4.50	5.50				16.00	16.00	Trúng tuyển
36	Kế toán	10242	Đỗ Ngọc	Du	27/03/90	Đắk Lắk	5.00	5.50	6.00				16.50	16.50	Trúng tuyển
37	Kế toán	10231	Ngô Việt Anh	Đức	21/02/88	Đà Nẵng	5.00	5.00	9.00				19.00	19.00	Trúng tuyển
38	Kế toán	10255	Phạm Thị Ngọc	Long	15/07/89	Quảng Ngãi	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
39	Kế toán	10241	Nguyễn Hải	Quân	25/03/89	Đà Nẵng	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
40	Kế toán	10229	Đào Tăng	Thái	15/10/91	Quảng Bình	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
41	Kế toán	10245	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	01/01/86	Quảng Bình	5.00	5.00	5.00				15.00	15.00	Trúng tuyển
42	Kế toán	10269	Hồ Thị Thu	Thảo	20/12/90	Đắk Lắk	5.00	6.00	8.50				19.50	19.50	Trúng tuyển
43	Kế toán	10234	Ngô Thị	Thủy	19/05/85	Thanh Hóa	5.00	5.50	6.50				17.00	17.00	Trúng tuyển
44	Kế toán	10235	Đoàn Thị	Vân	12/02/90	Quảng Bình	2.50	4.50	5.00				12.00	12.00	Trúng tuyển
45	Tin học ứng dụng	10240	Đoàn Ngọc	Hiển	02/05/84	Đà Nẵng	5.50	5.00	5.00				15.50	15.50	Trúng tuyển
46	Tin học ứng dụng	10227	Nguyễn Lê Hoàng	Hiệp	27/10/84	Đà Nẵng	6.00	6.50	5.00				17.50	17.50	Trúng tuyển
47	Tin học ứng dụng	10252	Nguyễn Thị	Hương	01/04/91	Quảng Bình	0.00	0.00	0.00				0.00	0.00	Hỏng
48	Tin học ứng dụng	10251	Lê Anh	Huy	26/01/90	Đà Nẵng	6.50	5.00	5.00				16.50	16.50	Trúng tuyển
49	Tin học ứng dụng	10228	Nguyễn Phước	Thuận	27/05/91	Quảng Nam	6.00	5.00	5.00				16.00	16.00	Trúng tuyển
50	Tin học ứng dụng	10244	Hồ Đặc Hải	Triều	09/07/89	Bình Định	4.50	6.00	5.00				15.50	15.50	Trúng tuyển

Ấn định danh sách có 36 thí sinh trúng tuyển và 14 thí sinh hỏng (Điểm chuẩn: 09 điểm).

Người lập bảng

Đặng Mỹ Thuận

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 01 năm 2012
P.Chủ tịch HĐTS

ThS. Phạm Đình Hàn